

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
HỆ CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC  
MÃ SỐ: 7310613

Hà Nội, 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
HỆ CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC

MÃ SỐ: 7310613

*Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-XHNV, ngày tháng năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.*

PHÊ DUYỆT CỦA TRƯỞNG  
HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
HỆ CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC  
MÃ SỐ: 7310613

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, 2023

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

## **NGÀNH ĐÀO TẠO NHẬT BẢN HỌC**

*(Xây dựng theo chương trình đào tạo ban hành năm 2023)*

### **I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- **Tên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Nhật Bản học
  - + Tiếng Anh: Japanes Studies
- **Mã số ngành đào tạo:** 7310613
- **Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Việt
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
  - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Nhật Bản học
  - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Japanese Studies
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **2. Mục tiêu đào tạo**

##### **2.1. Mục tiêu chung**

- Đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên môn về Nhật Bản học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đồng thời góp phần tạo ra những giá trị mới mang tính đột phá cho cộng đồng và xã hội;

- Đào tạo và cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ sở chuyên ngành về Nhật Bản, năng lực tiếng Nhật vững vàng và các kĩ năng cá nhân, kĩ năng nghề nghiệp cần thiết;

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp tục tự học, học ở những bậc học cao hơn, có thể trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực của mình; đóng vai trò như một cầu nối thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản; có trình độ và ý thức của công dân toàn cầu.

##### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Có năng lực xử lý một cách độc lập những vấn đề trong công việc được phân công liên quan đến Nhật Bản;

- Có kĩ năng thực hành về quan hệ quốc tế và năng lực giao tiếp xã hội, sử dụng được tiếng Nhật và tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác chuyên môn;

- Có ý thức chủ động tìm tòi và phát triển kiến thức mới, có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn, để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan;

- Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành các hoạt động liên quan đến Nhật Bản trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn và thích nghi với bối cảnh của đơn vị công tác, doanh nghiệp và xã hội hiện nay; có khả năng khởi nghiệp.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh:**

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

#### **3.2. Đối tượng dự tuyển:**

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

#### **3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh:**

Theo chỉ tiêu được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

### **4. Chuẩn đầu ra**

#### **4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

##### **PLO1. Kiến thức chung**

- Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật trong các hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và thực tiễn.

- Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

##### **PLO2. Kiến thức theo lĩnh vực**

Phân biệt, áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thực hành văn bản, tra cứu, quản lý thông tin trong học tập và nghiên cứu; Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu; Hệ thống hoá và ứng dụng được kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0.

##### **PLO3. Kiến thức chung của khối ngành**

Giải thích được những vấn đề cốt lõi trong nghiên cứu khu vực học và có khả năng vận dụng các kiến thức vào trong nghiên cứu điền dã trên thực tế; Xác định được những vấn đề cơ bản về văn hóa, văn minh, lịch sử, ngôn ngữ và quá trình toàn cầu hóa diễn ra tại

các nước phương Đông; Phân tích, đánh giá được tình hình các nước phương Đông trong sự đối chiếu lịch sử Việt Nam, thể chế chính trị của Việt Nam; Tổng hợp, đánh giá kịp thời các vấn đề hiện đại, cập nhật của khu vực.

#### **PLO4. Kiến thức của nhóm ngành**

Giải thích tổng quan về khu vực Đông Bắc Á và về quan hệ giữa các nước, trên cơ sở đó có thể nhìn nhận các vấn đề đang xảy ra ở khu vực này; Phân loại được một số vấn đề cơ bản về lịch sử, ngôn ngữ, các vấn đề cập nhật về chính trị, pháp luật của khu vực Đông Bắc Á, trên cơ sở đó tổng hợp được những bài học cho Việt Nam; So sánh, đánh giá được những điểm tương đồng của các nước trong khu vực Đông Bắc Á, như vị trí địa lý, mối quan hệ trong lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, chính trị, kinh tế; Tổng hợp mối liên hệ giữa các kiến thức về khu vực Đông Bắc Á với Nhật Bản trong các vấn đề lịch sử, ngôn ngữ, chính trị, luật quốc tế...

#### **PLO5. Kiến thức ngành**

Áp dụng được các kiến thức cơ sở về Nhật Bản có liên quan đến nhiều lĩnh vực như địa lý, lịch sử, văn hoá, xã hội, chính trị, pháp lý, quan hệ quốc tế... trong học tập và nghiên cứu về Nhật Bản; Phân tích, tổng hợp, đánh giá được về một số vấn đề chuyên môn liên quan đến Nhật Bản.

### **4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

#### **PLO6. Kỹ năng chuyên môn**

Phát hiện và giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; Vận dụng kỹ năng phê phán, phản biện dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể để đưa ra giải pháp giải quyết những vấn đề thực tế hay trùu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.

#### **PLO7. Kỹ năng nghề nghiệp**

Vận dụng thành thạo ngôn ngữ Nhật, biết diễn đạt ý tứ của vấn đề ở dạng nói và viết một cách rõ ràng, phù hợp về văn phong, có khả năng biên tập tốt; vận dụng kiến thức chuyên môn để phân tích, đánh giá, thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến Nhật Bản.

#### **PLO8. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề**

Phát hiện, đánh giá vấn đề một cách toàn diện, đa chiều để giải quyết vấn đề một cách có hệ thống.

#### **PLO9. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức**

Tổng hợp, phân tích được các nguồn tư liệu chuyên ngành bằng tiếng Nhật; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của Nhật Bản học như điền dã, phỏng vấn,

nghiên cứu trường hợp... trong quá trình thu thập, phân tích tài liệu, so sánh đối chiếu với các quan điểm đã được công bố để đưa ra ý kiến và lập luận riêng.

**PLO10. Kỹ năng thích nghi bối cảnh**

Thích nghi với sự thay đổi của môi trường xã hội và môi trường công tác để làm việc thành công; phát hiện và xử lý các vấn đề thực tiễn nhằm hoàn thành công việc, vượt qua được những áp lực, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường; Tổng kết kinh nghiệm về nghề nghiệp trên cơ sở đối chiếu với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.

**PLO11. Kỹ năng cá nhân**

Sử dụng thành thạo phần mềm văn phòng trong soạn thảo văn bản, thuyết trình; Tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, công việc; Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời; có năng lực xây dựng kế hoạch thời gian và nguồn lực cá nhân, sắp xếp kế hoạch công việc một cách khoa học, hợp lý theo đúng phong cách Nhật Bản; Có kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian và thời hạn của công việc; Tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp; Có khả năng phát hiện phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

**PLO12. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo**

Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ; Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên khác.

**PLO13. Kỹ năng giao tiếp**

Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp, truyền đạt thông tin; Sử dụng thành thạo tiếng Nhật ở trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) và tiếng Anh ở trình độ bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội; Vận dụng ngôn ngữ chính xác và phù hợp khi giao tiếp với các cá nhân và tổ chức trong các hoàn cảnh cụ thể, đa dạng.

**4.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

**PLO14.** Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể.

**PLO15.** Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;

**PLO16.** Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn có liên quan đến Nhật Bản và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

**PLO17.** Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

### **PLO18. Đạo đức cá nhân**

Có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; Sẵn sàng đương đầu với khó khăn; Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, cầu thị và say mê sáng tạo; Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp; Chính trực, tự tin, linh hoạt, có ý thức phản biện; Tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; Có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa.

### **PLO19. Đạo đức nghề nghiệp**

Công bằng, trung thực, có trách nhiệm, đáng tin cậy; Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập; Hiểu và ứng xử đúng mực, phù hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam và các nước trong khu vực.

### **PLO20. Đạo đức xã hội**

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của công dân, tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội.

## **5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **5.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo</b>	<b>130 tín chỉ</b>
<b>- Khối kiến thức chung</b> ( <i>không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng- an ninh, kỹ năng bổ trợ</i> )	<b>21 tín chỉ</b>
<b>- Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>24 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>18 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
<b>- Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>20 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>11 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>9/27 tín chỉ</i>
<b>- Khối kiến thức của nhóm ngành</b>	<b>15 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>9/18 tín chỉ</i>
<b>- Khối kiến thức ngành</b>	<b>50 tín chỉ</b>
+ <i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>24 tín chỉ</i>
+ <i>Các học phần tự chọn</i>	<i>18/60 tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>8 tín chỉ</i>



## 5.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)	<b>21</b>				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin <i>Political Economy of Marx - Lenin</i>	2	20	10		PHI 1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30			PHI 1006
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	20	10		
6	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	20	5	5	PHI 1006
7	INT1226	Tin học cơ sở <i>Basic Informatics</i>	3	15	30		
8	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
9		Kỹ năng bổ trợ <i>Soft Skills</i>	3				
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
11		Giáo dục quốc phòng- an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>24</b>				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>18</i>				
12	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>	3	36	9		
13	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>History of World Civilizations</i>	3	42	3		
14	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	3	42	3		
15	SOC1051	Xã hội học đại cương <i>General Sociology</i>	3	39	6		
16	PSY1051	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	3	30	15		
17	PHI1054	Lôgic học đại cương <i>General Logics</i>	3	33	12		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>II.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6/18</b>				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương <i>General Economics</i>	2	20	10		
19	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	26	4		
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	20	10		
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>	2	20	10		
22	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin và năng lực số <i>Introduction to Information Literacy</i>	2	20	10		
23	LIT1053	Viết học thuật <i>Academic writing</i>	2	20	10		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng <i>Creative thinking and design thinking</i>	2	20	10		
25	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển <i>International Integration and</i>	2	20	10		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Development</i>					
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam <i>Vietnam's Political System</i>	2	20	10		
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>20</b>				
<b>III.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>11</b>				
27	JPN4001	Niên luận <i>Annual Report</i>	2	0	60	40	
28	MNS1054	Khởi nghiệp <i>Start-up</i>	3	30	15		
29	JPN3001	Địa lý Nhật Bản <i>Japanese Geography</i>	3	45	0	105	
30	JPN3002	Lịch sử Nhật Bản <i>Japanese History</i>	3	45	0	105	
<b>III.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9/22</b>				
31	FLH1155	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1 <i>English for Social Sciences and Humanities 1</i>	4	16	40		
32	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương <i>Fundamentals of Public Relations</i>	3	39	6		
33	ANT1100	Nhân học đại cương <i>Introduction to Anthropology</i>	3	39	6		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
34	SIN1001	Hán Nôm cơ sở <i>Basic Sino-Nom</i>	3	30	15		
35	SOW1105	Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội <i>Introduction to Social Work and Social Security</i>	3	39	6		
36	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới <i>World Political Institutions</i>	3	30	15		
37	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng <i>Introduction to Office Management</i>	3	36	9		
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>15</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>				
38	JPN3003	Nhập môn Nghiên cứu Nhật Bản <i>Introduction to Japanese Studies</i>	3	45	0	105	
39	JPN3004	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản <i>Vietnam - Japan's Relations</i>	3	45	0	105	
<b>IV.2.</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9</b>				
<b>IV.2.1</b>		<b>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</b>	<b>9/18</b>				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
40	ITS1104	Khu vực học đại cương <i>General Area Studies</i>	3	30	15		
41	ORS2005	Văn hóa, văn minh phương Đông <i>Oriental Culture-Civilization</i>	3	36	9		
42	ORS1101	Lịch sử phương Đông <i>History of the Orient</i>	3	36	9		
43	ORS1150	Quan hệ quốc tế Đông Bắc Á <i>International Relations in Northeast Asia</i>	3	45	0		
44	ORS1156	Chính trị khu vực Đông Bắc Á <i>Politics of Northeast Asia</i>	3	30	15		
45	ORS1152	Kinh tế Đông Bắc Á <i>Economics of Northeast Asia</i>	3	36	9		
<b>IV.2.2</b>		<b>Định hướng kiến thức liên ngành</b>	<b>9/18</b>				
46	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng <i>Office Human Resources Management</i>	3	30	15		
47	ANT1150	Các phương pháp nghiên cứu nhân học <i>Research Methods in Anthropology</i>	3	42	3		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
48	TOU3025	PR và truyền thông cho sự kiện <i>Event Communications and Public Relations</i>	3	30	15		
49	PRS3000	Lý luận về quan hệ công chúng <i>Public Relations Theory</i>	3	39	6		
50	PRS3001	Xây dựng và phát triển thương hiệu <i>Branding</i>	3	39	6		
51	ITS1151	Luật quốc tế <i>International Law</i>	3	30	15		
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>50</b>				
<b>V.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>24</b>				
52	JPN3005	Ngữ pháp tiếng Nhật 1 <i>Grammar of Japanese 1</i>	3	0	90	60	
53	JPN3034	Kỹ năng tiếng Nhật 1 <i>Skill of Japanese 1</i>	3	0	90	60	
54	JPN3007	Ngữ pháp tiếng Nhật 2 <i>Grammar of Japanese 2</i>	3	0	90	60	
55	JPN3035	Kỹ năng tiếng Nhật 2 <i>Skillof Japanese 2</i>	3	0	90	60	
56	JPN3036	Tiếng Nhật nâng cao 1 <i>Intensive Japanese 1</i>	3	0	90	60	
57	JPN3037	Tiếng Nhật nâng cao 2 <i>Intensive Japanese 2</i>	3	0	90	60	
58	JPN3038	Tiếng Nhật nâng cao 3 <i>Intensive Japanese 3</i>	3	0	90	60	
59	JPN3039	Tiếng Nhật nâng cao 4 <i>Intensive Japanese 4</i>	3	0	90	60	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
V.2		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>18/60</b>				
60	JPN3013	Văn hóa Nhật Bản <i>Japanese Culture</i>	3	45	0	105	
61	JPN3033	Nghệ năng truyền thống Nhật Bản <i>Japanese Traditional Arts</i>	3	45	0	105	
62	JPN3015	Kinh tế Nhật Bản <i>Japanese Economy</i>	3	45	0	105	
63	JPN3016	Tôn giáo Nhật Bản <i>Japanese Religion</i>	3	45	0	105	
64	JPN3017	Văn học Nhật Bản <i>Japanese Literature</i>	3	45	0	105	
65	JPN3018	Chính sách đối ngoại của Nhật Bản <i>Foreign Policy of Japan</i>	3	45	0	105	
66	JPN3019	Xã hội Nhật Bản <i>Japanese Society</i>	3	45	0	105	
67	JPN3020	Hệ thống chính trị và hành chính Nhật Bản <i>Japanese Politics and Administrative System</i>	3	45	0	105	
68	JPN3021	Pháp chế Nhật Bản <i>Legal System in Japan</i>	3	45	0	105	
69	JPN3022	Văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản <i>Japanese Business Culture</i>	3	45	0	105	



Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
70	JPN3023	Phong tục tập quán Nhật Bản <i>Customs and Habits in Japan</i>	3	45	0	105	
71	JPN3024	Văn hóa đại chúng Nhật Bản <i>Japanese Popular Culture</i>	3	45	0	105	
72	JPN3025	Võ sĩ đạo và võ thuật Nhật Bản <i>Bushido and Martial Arts in Japan</i>	3	45	0	105	
73	JPN3026	Tiếng Nhật chuyên ngành (Lịch sử) <i>Japanese Language for History</i>	3	0	90	60	
74	JPN3027	Tiếng Nhật chuyên ngành (Văn hóa) <i>Japanese Language for Culture</i>	3	0	90	60	
75	JPN3028	Tiếng Nhật chuyên ngành (Chính trị - Xã hội) <i>Japanese Language for Politics - Society</i>	3	0	90	60	
76	JPN3029	Tiếng Nhật chuyên ngành (Kinh tế-Thương mại) <i>Japanese Language for Economics &amp; Business</i>	3	0	90	60	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
77	JPN3030	Tiếng Nhật chuyên ngành (Pháp lý) <i>Japanese Language for Legal</i>	3	0	90	60	
78	JPN3031	Thuyết trình tiếng Nhật <i>Japanese in Presentation</i>	3	0	90	60	
79	JPN3032	Đọc dịch tiếng Nhật <i>Japanese in Reading &amp; Translation</i>	3	0	90	60	
V.3		<b>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>8</b>				
80	JPN4006	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	3	0	90	60	
81	JPN4003	Khóa luận tốt nghiệp <i>Thesis</i>	5	0	150	100	
		<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên chọn 1 trong 2 môn)</i>					
82	JPN4004	Thực hành nghiên cứu Nhật Bản tổng hợp <i>Comprehensive Japan Studies</i>	5	60	30	160	
83	JPN4005	Thực hành tiếng Nhật tổng hợp <i>Comprehensive Japanese Language</i>	5	60	30	160	
<b>Tổng cộng</b>			<b>130</b>				

## 6. Ma trận chuẩn đầu ra

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																		
			Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm						
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b>																			
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin																			
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin																			
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học																			
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh																			
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam																			
6	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương																			
7	INT1226	Tin học cơ sở																			
8	FLF1107	Tiếng Anh B1																			
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>																			
<b>II.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>																			
9	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học																			
10	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới																			
11	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam																			
12	SOC1051	Xã hội học đại cương																			
13	PSY1051	Tâm lý học đại cương																			
14	PHI1054	Lôgic học đại cương																			
<b>II.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>																			
15	INE1014	Kinh tế học đại cương																			
16	EVS1001	Môi trường và phát triển																			
17	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội																			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																		
			Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm						
			PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
18	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt																			
19	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin và năng lực số																			
20	LIT1053	Viết học thuật																			
21	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng																			
22	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển																			
23	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam																			
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>																			
<b>III.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>																			
24	JPN4001	Niên luận					4	4	4	4	4	4		4	4		4	4	4	4	
25	MNS1054	Khởi nghiệp																			
26	JPN3001	Địa lý Nhật Bản				4	3	4	3	4	3		4		3	4	4	4		4	4
27	JPN3002	Lịch sử Nhật Bản				4	4	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4		4	4
<b>III.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>																			
28	FLH1155	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1																			
29	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương																			
30	ANT1100	Nhân học đại cương																			
31	SIN1001	Hán Nôm cơ sở																			
32	SOW1105	Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội																			
33	ITS1101	Thể chế chính trị thế giới																			
34	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng																			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																			
			Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm							
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>																				
<b>IV.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>																				
35	JPN3003	Nhập môn Nghiên cứu Nhật Bản					4	4	4	4	4		4	4	4		4	4		4	4	4
36	JPN3004	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản				3	4	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4		4	4	4
<b>IV.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>																				
<b>IV.2.1.</b>		<b>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</b>																				
37	ITS1104	Khu vực học đại cương																				
38	ORS2005	Văn hóa, văn minh phương Đông																				
39	ORS1101	Lịch sử phương Đông																				
40	ORS1150	Quan hệ quốc tế Đông Bắc Á																				
41	ORS1156	Chính trị khu vực Đông Bắc Á																				
42	ORS1152	Kinh tế Đông Bắc Á																				
<b>IV.2.2</b>		<b>Định hướng kiến thức chuyên sâu của liên ngành</b>																				
43	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng																				
44	ANT1150	Các phương pháp nghiên cứu nhân học																				
45	TOU3025	PR và truyền thông cho sự kiện																				
46	PRS3000	Lý luận về quan hệ công chúng																				
47	PRS3001	Xây dựng và phát triển thương hiệu																				
48	ITS1151	Luật quốc tế																				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																		
			Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm						
			PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>																			
<b>V.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>																			
49	JPN3005	Ngữ pháp tiếng Nhật 1					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
50	JPN3034	Kĩ năng tiếng Nhật 1					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
51	JPN3007	Ngữ pháp tiếng Nhật 2					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
52	JPN3035	Kĩ năng tiếng Nhật 2					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
53	JPN3036	Tiếng Nhật nâng cao 1					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
54	JPN3037	Tiếng Nhật nâng cao 2					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
55	JPN3038	Tiếng Nhật nâng cao 3					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
56	JPN3039	Tiếng Nhật nâng cao 4					4		4		4	4	4		4	4		4	4	4	
<b>V.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>																			
57	JPN3013	Văn hóa Nhật Bản				4	4	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4
58	JPN3033	Nghệ năng truyền thống Nhật Bản					4	4	4	4	4		4		4	4	4	4	4	4	4
59	JPN3015	Kinh tế Nhật Bản				4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
60	JPN3016	Tôn giáo Nhật Bản				4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	
61	JPN3017	Văn học Nhật Bản				4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
62	JPN3018	Chính sách đối ngoại của Nhật Bản				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4	4
63	JPN3019	Xã hội Nhật Bản					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
64	JPN3020	Hệ thống chính trị và hành chính Nhật Bản				4	4	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4
65	JPN3021	Pháp chế Nhật Bản					4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4	4
66	JPN3022	Văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
67	JPN3023	Phong tục tập quán Nhật Bản					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
68	JPN3024	Văn hóa đại chúng Nhật Bản					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
69	JPN3025	Võ sĩ đạo và võ thuật Nhật Bản					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																		
			Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm						
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
70	JPN3026	Tiếng Nhật chuyên ngành (Lịch sử)					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
71	JPN3027	Tiếng Nhật chuyên ngành (Văn hóa)					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
72	JPN3028	Tiếng Nhật chuyên ngành (Chính trị - Xã hội)					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
73	JPN3029	Tiếng Nhật chuyên ngành (Kinh tế-Thương mại)					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4
74	JPN3030	Tiếng Nhật chuyên ngành (Pháp lí)					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4
75	JPN3031	Thuyết trình tiếng Nhật					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
76	JPN3032	Đọc dịch tiếng Nhật					4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
V.3		<i>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																			
77	JPN4006	Thực tập tốt nghiệp					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
78	JPN4003	Khóa luận tốt nghiệp				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
		<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																			
79	JPN4004	Thực hành nghiên cứu Nhật Bản tổng hợp				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
80	JPN4005	Thực hành tiếng Nhật tổng hợp				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

## 7. Chương trình đào tạo tham khảo

### 7.1. Chương trình đào tạo nước ngoài

Chương trình đào tạo cử nhân Nhật Bản học, Đại học Quốc gia Singapore

TT	Tên môn học
1	Introduction to Japanese Studies (Nhập môn Nghiên cứu Nhật Bản)
2	Approaches to Japanese Studies I (Phương pháp tiếp cận Nghiên cứu Nhật Bản học I)
3	Sound, Grammar and Meaning (Âm thanh, ngữ pháp và nghĩa)
4	Introduction to Japanese Literature (Nhập môn văn học Nhật Bản)
5	Popular Culture in Contemporary Japan (Văn hoá đại chúng Nhật Bản đương đại)
6	Ideas and Images in Japanese Culture (Ý tưởng và hình ảnh trong văn hoá Nhật Bản)
7	Postwar Japanese Film and <i>Anime</i> (Điện ảnh và anime Nhật Bản sau chiến tranh)
8	Organisation of Japanese Business (Tổ chức của thương mại Nhật Bản)
9	Japanese Society and Social Institutions (Xã hội và Thể chế xã hội của Nhật Bản)
10	Government and Politics of Japan (Chính phủ và Chính trị của Nhật Bản)
11	Singapore and Japan: Historical and Contemporary Relationship (Singapore và Nhật Bản- Quan hệ lịch sử và đương đại)
12	Marketing and Consumer Culture in Japan (Marketing và Văn hoá tiêu dùng của Nhật Bản)
13	Global City Tokyo (Thành phố toàn cầu Tokyo)
14	Japan and China: Rivals and Partners (Nhật Bản và Trung Quốc- Đối thủ và đối tác)
15	Gender and Sexuality in Japan (Giới ở Nhật Bản)
16	The Japanese Experience (Kinh nghiệm Nhật Bản)
17	Itadakimasu- Food in Japan (Itadakimasu- Ẩm thực Nhật Bản)
18	Japan in Southeast Asia (Nhật Bản trong Đông Nam Á);
19	Japan and Korea (Nhật Bản và Hàn Quốc);
20	Field Exposure Japan (Điều tra thực địa khám phá Nhật Bản)
21	Field Exposure Japan: Fashion Business (Điều tra thực địa khám phá Nhật Bản: Kinh doanh thời trang)
22	Approaches to Japanese Studies II (Phương pháp tiếp cận Nghiên cứu Nhật Bản học II);
23	Approaches to Japanese Linguistics (Phương pháp tiếp cận Ngôn ngữ Nhật)
24	Japan in the Twentieth Century (Nhật Bản trong thế kỷ XX);
25	Modern Japanese Religion (Tôn giáo Nhật Bản hiện đại);



26	Alternative Lives in Contemporary Japan (Cuộc sống lựa chọn ở Nhật Bản đương đại)
27	Japanese Philosophy and Thought (Triết học và Tư tưởng Nhật Bản)
28	Japanese Film and Literature (Điện ảnh và Văn học Nhật Bản)
29	Japanese Art and Aesthetics (Nghệ thuật và Mỹ học Nhật Bản)
30	Japanese Business Management (Quản trị kinh doanh Nhật Bản)
31	Japan and the Asia-Pacific Region (Nhật Bản trong khu vực châu Á- Thái Bình Dương)
32	Japanese Mass Media (Phương tiện thông tin đại chúng ở Nhật Bản);
33	Japan: The Green Nation? (Nhật Bản- Quốc gia xanh?)
34	Entrepreneurship: Self-made in Japan (Khả năng làm chủ của doanh nghiệp- Thành công bằng khả năng của chính mình)
35	Japan on the Move (Nhật Bản dịch chuyển)
36	Field Studies in Japan (Điền dã ở Nhật Bản)
37	Men and Women in Modern Japanese Literature (Giới trong văn học hiện đại Nhật Bản)
38	Intership (Thực tập)
39	Extended Internship (Thực tập nâng cao)
40	Research and Writing in Japanese Studies (Nghiên cứu và viết trong Nghiên cứu Nhật Bản học);
41	Readings in Modern Japanese (Đọc tư liệu Nhật Bản hiện đại)
42	Japanese Language and Society (Ngôn ngữ và xã hội Nhật Bản)
43	Selected Topics in Japanese Linguistics (Chủ đề liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Nhật)
44	Japanese Culture and Communications (Văn hoá và truyền thông Nhật Bản);
45	Approaches to Modern Japanese History (Phương pháp tiếp cận Lịch sử Nhật Bản hiện đại)
46	Ideas, Values and Identity in Japan (Ý tưởng, giá trị và đặc điểm nhận dạng của Nhật Bản)
47	Tales and Performance in Premodern Japan (Truyện ngắn và Biểu diễn của Nhật Bản thời kỳ cận đại)
48	Selected Topics in Japanese Studies (Chủ đề cụ thể của Nhật Bản học)
49	Japanese Public Policy (Chính sách công của Nhật Bản);

50	Japanese International Relations (Quan hệ quốc tế của Nhật Bản);
51	Social Dynamics in Modern Japan (Động lực xã hội Nhật Bản hiện đại)
52	Japanese Law, Society and Public Policy (Pháp luật, Xã hội và Chính sách công của Nhật Bản);
53	Japanese Political Economy (Kinh tế chính trị của Nhật Bản)
54	Japanese Cities in the Global Economy (Các thành phố của Nhật Bản trong nền kinh tế toàn cầu)
55	Japanese Translation - Theory & Practice (Dịch tiếng Nhật- Lý thuyết và thực hành)
56	Advanced Readings in Popular Culture (Đọc hiểu nâng cao về Văn hoá đại chúng)
57	Honours Thesis (Khoá luận)
58	Independent Study (Tự học)
59	Samurai, Geisha, Yakuza as Self or Other (Samurai, Geisha, Yakuza)
60	Cultural Borrowing: Japan and China (Vay mượn văn hoá: Nhật Bản và Trung Quốc)

Chương trình đào tạo của Đại học Hongkong (Trung Quốc)

**JAPN1011 Introduction to Japanese studies (6 credits)**

Introduction to Japanese studies aims to provide students with a broad-based description of Japanese society and culture. The course will cover various aspects of the country, such as its history, geography, politics and government, religion and literature. Students will be assigned to a tutorial group either in the first or second semester.

This course is targeted primarily at those Faculty of Arts' students who have enrolled in Japanese language courses, but students from other faculties may take the course subject to availability.

Assessment: 100% coursework (presentations, essay assignments, etc)

**JAPN1088 Japanese language I (Part 1) (6 credits)**

This introductory course is designed for total beginners in the study of the Japanese language. The fundamentals of the language will be presented through a carefully graded syllabus. Equal emphasis will be placed on developing the four basic skills of speaking, listening, reading and writing, thereby enabling students to establish a solid foundation in the language.

Assessment: 100% coursework (including tests, quizzes, assignments/class performance and final oral test)

N.B. For pedagogical reasons, some of the classes in this course will be taught in Cantonese. Non-Cantonese speakers should ensure that they are enrolled in a class where the medium of instruction is English. Since Chinese characters are an integral part of this course and will be given no separate introduction by the course instructors, students with no prior knowledge of Chinese characters should ensure that they discuss this issue with their class teacher at the beginning of the semester.

**JAPN1099 Japanese language I (Part 2) (6 credits)**

This elementary Japanese course focuses on proficiency-based foreign language learning. While the emphasis is on a thorough understanding of basic Japanese grammar, it also aims to develop communicative competence in order to prepare students for a smooth transition to the study of Japanese at a more advanced level.

**JAPN1188 Japanese language II (Part 1) (6 credits)**

This course is open to first year students who have completed approximately 150 hours of Japanese language studies at other institutions prior to entering HKU, or who, at the time of their admission to HKU, have attained a level of Japanese proficiency equivalent to that of students who have successfully completed the course JAPN1099 Japanese Language I (Part 2).

This course covers elementary Japanese grammar, and aims to provide Japanese language students with a solid grounding in the four areas of reading, writing, speaking and listening.

Assessment: 100% coursework (including tests, quizzes and assignments)

**JAPN1199 Japanese language II (Part 2) (6 credits)**

This course is a continuation of JAPN1188 Japanese language II (Part 1). The course is open to first year students who have successfully completed JAPN1188, or first year students who can demonstrate that they have attained a comparable level of ability in the Japanese language.

It will provide students with a comprehensive understanding of basic Japanese grammar; intermediate level grammatical principles will also be gradually introduced towards the end of the course. Upon completion of the course, a successful learner should have acquired the necessary Japanese language abilities and study skills to progress to an

intermediate level of Japanese proficiency, and show an increased aptitude for autonomous learning in the third year.

Assessment: 100% coursework (including tests, quizzes and assignments)

Prerequisite: JAPN1188 Japanese language II (Part 1)

**JAPN1009 Introduction to Japanese linguistics** (6 credits)

This course is an introductory linguistics course with particular reference to the Japanese language. The language will be examined from both diachronic and synchronic perspectives and frequent cross linguistic comparisons will be made with Cantonese, Mandarin and English. The purpose of the course is to stimulate interest in the Japanese language, and facilitate the acquisitional process while at the same time promoting a general understanding of human language behaviour, an issue of great relevance to students of a second language.

Assessment: 100% coursework (reading assignment summaries, test, presentation, midterm paper and term project)

**JAPN1013 Situational Japanese conversation** (6 credits)

This course teaches basic Japanese conversational skills for use in such situations as may be encountered during short stays in Japan. The course also provides training in natural Japanese pronunciation to facilitate communication with native speakers.

Assessment: 100% coursework

Prerequisite: JAPN1088 Japanese language I (Part 1)

**JAPN2002 Japan in Japanese** (6 credits)

This tutorial-based content course is primarily a reading course. It is offered solely to second-year students who have successfully completed JAPN1088. Japanese language I (Part 1) and JAPN1099. Japanese language I (Part 2). The course aims to develop students' reading skills through the guided reading of texts relating to Japanese culture and society. As students learn to read more fluently, not only will their linguistic abilities improve, their knowledge and awareness of Japanese culture will also be enhanced.

Assessment: 100% coursework (weekly assignments, vocabulary quizzes, comprehension tests, project work (short report and presentation))

Co-requisite: JAPN2088 Japanese language II (Part 1)

**JAPN2007 Modern Japanese short stories (6 credits)**

This is a tutorial-based language-intensive course for second year students. The course aims to introduce students to the richness of Japanese literature, through careful study of a number of modern short stories. Students will be required to read original Japanese texts written by authors representative of Japan's long literary tradition. The themes and ideas present in each story will be thoroughly discussed. Literary styles and the techniques of individual writers will be analysed and contrasted in order to enhance students' analytical and critical thinking abilities. Another aim of the course is to improve students' reading and speaking skills through literary appreciation and discussion. Grammatical explanations will be provided during class in order to facilitate understanding.

Assessment: 100% coursework (tests, presentation(s) and essay assignment)

Prerequisite: JAPN1199 Japanese language II (Part 2) or JAPN2088 Japanese language II (Part 1)

**JAPN2008 Translation I (Japanese into English) (6 credits)**

This language-intensive course aims to equip students with the skills necessary to translate Japanese texts into English. Students will be taught to analyse Japanese sentences in detail and translate them accurately into idiomatic English. The course starts with simple texts, carefully selected to demonstrate a variety of sentence structures, and gradually progresses to more complicated texts, dealing with topics studied in some of the content courses. Various types of specialized vocabulary and different writing styles will be introduced as the course progresses. Students will be expected to prepare for class by working on texts beforehand. There will be a number of written assignments for which students will be required to analyse sentence structures and prepare written translations of short texts.

Assessment: 50% coursework, 50% examination

Examination: A two-hour written examination at the end of the second semester

Prerequisite: JAPN1099 Japanese language I (Part 2) or JAPN1199 Japanese language II (Part 2) or JAPN3055. Japanese language II(b) (Part 2)

**JAPN2009 Translation I (Chinese/Japanese, Japanese/Chinese) (6 credits)**

This language-intensive course aims to provide students with the basic skills required for translating Japanese texts into Chinese and vice versa. Students will translate short, simple texts, chosen to illustrate a range of sentence patterns in both Chinese and Japanese. Texts

with more complex structures, that contain a wide variety of vocabulary and that typify different writing styles, will gradually be introduced to build up students' translation skills. Students will be familiarised with a number of reference tools useful in Chinese/Japanese translation and will learn to make use of them in their work.

Assessment: 70% coursework, 30% examination

Examination: A two-hour written examination at the end of the second semester

Co-requisite: JAPN2088 Japanese language II (Part 1) and JAPN2099 Japanese language II (Part 2) or JAPN2188. Japanese language III (Part 1) and JAPN2199. Japanese language III (Part 2)

### **JAPN2032 The changing image of Hong Kong in Japanese writings (6 credits)**

This is a tutorial-based language-intensive course for second year students. Throughout the 19th and 20th centuries, a large number of Japanese travellers visited Hong Kong. The reasons behind their visits were numerous, but Hong Kong's unique blend of modernity and colonialism never failed to make a very strong impression on them; Japanese records and articles about Hong Kong are therefore abundant. In this course, representative passages will be selected and studied in their original versions.

Through the examination of these materials, the course aims to enhance students' understanding of Hong Kong-Japan relations. The stereotypical images or views of Hong Kong apparent in many of these Japanese texts will be evaluated and discussed in light of the historical context in which they were written. Events such as the anti-Japan riots, the Diaoyutai issue and the phenomenal popularity of Japanese culture among local youngsters, all of which have had, and in some cases continue to have, a significant influence on Hong Kong-Japan relations, will be looked at and discussed. As a language-intensive course, the aim is to further improve students' reading abilities by exposing them to a variety of writing styles. Differences in writing techniques and in how arguments are presented to the reader will also be dwelt upon in order to strengthen students' potential for analytical and critical thinking.

Assessment: 100% coursework (quizzes, presentation(s) and essay assignment)

### **JAPN2036 Japanese text analysis (3 credits)**

This course will introduce a variety of short Japanese texts which will be read and explained during a series of interactive tutorials with the objective of training students in

grammatical and textual analysis. The aim is to enhance students' understanding of complex grammatical structures, to enable them to analyse, and differentiate between, different types of text, and for them to grasp the various elements that ensure the cohesion and coherence of a particular text. The course has no textbook other than materials prepared (and put on WebCT) by the teacher but students are expected to make use of Japanese grammar reference books and dictionaries in their preparations for the tutorials. This course is a prerequisite for taking JAPN3007. Translation II - Japanese - English in the third year.

Assessment: 100% coursework (50% participation, 50% tests and assignments)

### **JAPN2037 Interpretation I (Putonghua and Cantonese - Japanese) (6 credits)**

This elementary course in interpretation is skill-oriented (listening and speaking) with a focus on rendering Putonghua or Cantonese into simple Japanese and vice versa. This course is designed for students who had no previous Japanese language training prior to their admission to JAPN1088. Japanese language I (Part 1). A variety of carefully graded teaching materials will be selected to enhance comprehension and facilitate immediate response in the target language. This course places emphasis on the interpretation of a heard message and the expression of one's intention, rather than on grammatical correctness.

Assessment: 100% coursework (oral presentation, listening quizzes and individual assessment)

Prerequisite: JAPN1099 Japanese language I (Part 2) (with no Japanese language training prior to JAPN1088. Japanese language I (Part 1))

### **JAPN2038 Interpretation II (Putonghua and Cantonese - Japanese) (6 credits)**

This course is a continuation of Interpretation I. The aim of this course is to further enhance students' ability in the terms of reception and production of the target language.

Assessment: 100% coursework (oral presentation, listening quizzes and individual assessment)

Prerequisite: JAPN2037 Interpretation I (Putonghua and Cantonese - Japanese) (with no Japanese language training prior to JAPN1088. Japanese language I (Part 1))

**JAPN2041 Comprehensive basic grammar (6 credits)**

This course aims to consolidate and further expand students' grammatical knowledge. The course will start with a revision of basic grammar patterns taught in the first year, to ensure that they are fully understood. Following that, new patterns commonly used in daily life will be introduced. Though the course's focus will be on grammar, a wide range of vocabulary, listening and reading exercises will be incorporated to promote proficiency in these equally important areas.

Assessment: 100% coursework

Co-requisite: JAPN2088 Japanese language II (Part 1)

**JAPN2042 Productive skills I (6 credits)**

This course is designed for students who have completed approximately 150 hours of Japanese language studies, and thus have a basic knowledge of Japanese grammar. The course aims to develop/enhance students' proficiency in Japanese and previously acquired language skills through various activities and actual usage of the language. Upon completion of the course, students will have mastered the basic language skills necessary to effectively communicate in local (i.e. Hong Kong) situations that call for the application of Japanese language skills. Students will therefore undergo specialized language training designed to improve their Japanese pronunciation, conversational and listening skills and reading speed.

Assessment: 100% coursework

Co-requisite: JAPN2088 Japanese language II (Part 1)

**JAPN2043 Productive skills II (6 credits)**

This course aims to enhance students' previously acquired Japanese language skills through various activities and tasks, assignments and exercises. In addition to providing further training in accurate pronunciation and intonation, the course will concentrate on improving students' listening, reading and speaking skills. Using various pedagogical approaches, students will be introduced to the characteristics of written and spoken Japanese, as well as given instruction in how to master different means of expression, and in how to present their ideas verbally and in writing.

Assessment: 100% coursework

Co-requisite: JAPN2099 Japanese language II (Part 2)



**JAPN2088 Japanese language II (Part 1) (6 credits)**

This course is a continuation of JAPN1099 Japanese language I (Part 2), and covers elementary Japanese grammar. It is a balanced course that involves reading, writing, speaking and listening comprehension. The course aims to provide students with a strong grounding in the Japanese language.

Assessment: 100% coursework (including tests, quizzes and assignments)

Prerequisite: JAPN1099 Japanese language I (Part 2) or equivalent

**JAPN2099 Japanese language II (Part 2) (6 credits)**

This course is a continuation of JAPN2088. Japanese language II (Part 1), and basic grammar will be covered in depth. Additional training will be provided to enable students to successfully use the fundamental grammatical patterns already acquired to express themselves in natural and fluent Japanese. Readily available everyday learning materials will be used to encourage independent study. Upon completion of the course, a successful learner should have acquired the necessary Japanese language abilities and study skills to progress to an intermediate level of Japanese proficiency, and show an increased aptitude for autonomous learning in the third year.

Assessment: 100% coursework (including tests, quizzes and assignments)

Prerequisite: JAPN2088 Japanese language II (Part 1)

**JAPN3003 Selected readings in Japanese studies (6 credits)**

This tutorial-based language-intensive course provides students with an opportunity to read and discuss Japanese-language texts related to specific aspects of Japanese Studies. It is open to third year students who have successfully completed JAPN2088. Japanese language II (Part 1) and JAPN2099. Japanese language II (Part 2) and at least one language-intensive course. The texts are selected with a view to improving the proficiency level of third-year Japanese language students.

Assessment: 100% coursework (short quizzes, presentation(s) and essay assignment)

Prerequisite: JAPN2099 Japanese language II (Part 2) or JAPN2199 Japanese language III (Part2)

**JAPN3004 Contemporary Japanese fiction (6 credits)**

This Japanese-medium interdisciplinary content course looks at selected works of fiction by post-war Japanese writers. Students will be expected to read, understand and analyse

these works in their original, Japanese-language, version, and required to write a long essay about one of them. The themes, literary techniques and styles of these various fictional works will be critically evaluated and discussed at length, in line with the course's aim to provide students with a greater understanding and enjoyment of Japanese literature.

Assessment: 100% coursework (essay assignment)

Co-requisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199 Japanese language IV (Part 2)

### **JAPN3005 Media Japanese (6 credits)**

This language-intensive course is designed for students who are enrolled in JAPN2188. Japanese language III (Part 1) or JAPN2199. Japanese language III (Part 2). The course aims to enhance students' listening and reading capabilities in the Japanese language through the watching of Japanese TV programmes (primarily internet broadcasts) and the reading of Japanese newspapers and current affairs publications.

Assessment: 100% coursework (quizzes, project and presentation)

Co-requisite: JAPN2188 Japanese language III (Part 1) or JAPN2199. Japanese language III (Part 2)

### **JAPN3006 Extended essay in Japanese studies (9 credits)**

This interdisciplinary content course may be taken only by third year students who have accumulated at least 54 credits as part of their BA in Japanese Studies, and who wish to specialize in a particular topic. Students must obtain their supervisor's approval for their choice of topic, and the latter must be selected and discussed under their supervisor's tutorial guidance, before it is written up in either English or Japanese as an extended research essay. The length of the essay cannot be less than 8,000 words in English, or 10,000 characters in Japanese.

Assessment: 100% coursework

### **JAPN3007 Translation II - Japanese - English (6 credits)**

This advanced translation course aims to help students acquire the necessary skills and to render a variety of Japanese texts into English. The first objective of the course is to improve students' competence in both the original language (Japanese) and the target language (English). Students are expected to acquire the necessary grammatical and analytical tools to enable a grammatically and semantically correct understanding of the

Japanese text. This objective will be attained through the completion of practical Japanese-into-English translation exercises, both in class and as homework. The second objective is to introduce students to a number of translation strategies and concepts which can help them evaluate their own translations and those of others. Various approaches to translation and their appropriateness to different types of texts will be discussed. This objective will be accomplished through lectures, reading course handouts and completion of practical exercises aimed at evaluating particular translations in terms of the theories introduced during the course.

Assessment: 50% coursework, 50% examination

Examination: A two-hour written examination at the end of the second semester.

Prerequisite: JAPN2008 Translation I (Japanese into English) or JAPN2036 Japanese text analysis

### **JAPN3008 Contemporary Japanese popular music (6 credits)**

This Japanese-medium interdisciplinary content course looks at the contemporary Japanese popular music scene since World War Two. The main approach used will be anthropological rather than musicological or ethno-musicological. The course will take a close look at how the Japanese popular music industry was established and developed. It will also examine how the images of particular popular singers and their songs were constructed by the music industry, and then revised to take into account audience response. It will also explore the social and historical circumstances that led to the popularity of a particular singer or song.

Assessment: 100% coursework (assignment, quiz and test)

Co-requisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199 Japanese language IV (Part2)

### **JAPN3009 Japanese film (6 credits)**

This Japanese-medium interdisciplinary content course introduces students to contemporary Japanese filmmakers (e.g. Iwai Shunji, Furuhashi Yasuo, etc.) and their works. Students will watch carefully selected films (with Japanese, English and/or Chinese subtitles) and discuss them in Japanese. The course aims to enhance students' appreciation of Japanese films, to provide them with a general introduction to Japanese films and film directors, and to offer them the opportunity to discuss the content and style of these films in Japanese.

Assessment: 100% coursework (essay and discussions)

Co-requisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199 Japanese language IV (Part 2)

### **JAPN3010 Translation II (Chinese/Japanese, Japanese/Chinese) (6 credits)**

This language-intensive course is a continuation of JAPN2009. Translation I (Chinese/Japanese, Japanese/Chinese). It aims to further develop students' skills through the translation of more complex passages from Japanese into Chinese and vice versa. Excerpts in both languages and covering a variety of topics and themes will be selected from established sources.

Assessment: 70% coursework, 30% examination

Examination: A two-hour written examination at the end of the second semester

Co-requisite: JAPN2188 Japanese language III (Part 1) and JAPN2199 Japanese language III (Part 2) or JAPN3188. Japanese language IV (Part 1) and JAPN3199. Japanese language IV (Part2)

### **JAPN3011 Japanese in popular culture (6 credits)**

This language-intensive course takes a look at the distinctive Japanese terminology used in various forms of Japanese popular culture, including fairy tales, children's songs, TV programmes, magazines, manga, anime, popular songs and poems. The course aims to provide students with an opportunity to immerse themselves in and gain a better understanding of Japanese popular culture and to enhance their Japanese language abilities in this specific context.

Assessment: 100% coursework (short quizzes and presentations)

Prerequisite: JAPN2099 Japanese language II (Part 2) or JAPN2199 Japanese language III (Part2)

### **JAPN3014 Project in Japanese business (9 credits)**

This interdisciplinary content course is designed to provide students with an opportunity to apply their knowledge of Japanese language, society and culture to a project commissioned by a Japanese business organization. Through this project, students will gain real life experience in dealing with Japanese organizations at a managerial level, while perfecting their communication and interpersonal skills. Upon completion of their projects, students will make use of various theoretical frameworks to analyze the problems encountered during their tasks and will write these up in the form of an essay.

Assessment: 100% coursework (report, project portfolio, presentation, etc.)  
Prerequisite: Either JAPN2099 Japanese language II (Part 2) or JAPN1199 Japanese language II (Part2), at least one language-intensive course and one interdisciplinary content course and the approval of the course instructor.

**JAPN3015 Business Japanese (3 credits)**

This is a language-intensive course for third year students. Classes are held once a week. The course will concentrate on the acquisition of basic spoken business Japanese skills and on the behaviour appropriate to a Japanese business context. Students will learn the language styles, vocabulary and phraseology needed to deal with a variety of business situations. Students enrolled in JAPN3188. Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199. Japanese language IV (Part 2) are not eligible to take this course.

Assessment: 100% coursework (assignments, quizzes and oral interview test)

**JAPN3016 Advanced business Japanese (6 credits)**

This is an advanced language-intensive course for students who are enrolled in JAPN3199. Japanese language IV (Part 2). Classes are held twice a week. The first class will concentrate on the reading and understanding of business correspondence and other business documents. Students will learn the formats required for proper Japanese business correspondence, and how to tailor business correspondence to a variety of topics. They will increase their knowledge of formal honorific written Japanese, as well as of specialized business vocabulary, allowing them to fully understand the format of these documents and draft their own. The second class will go beyond the basics of spoken business Japanese and focus on more advanced interactive skills. Students will learn with the appropriate language styles, vocabulary and phraseology to deal with a variety of business situations.

Assessment: 100% coursework (assignments, written/ oral quizzes, discussions and presentations)

Corequisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199 Japanese language IV (Part 2)

**JAPN3020 Advanced translation, Japanese to Chinese (6 credits)**

This language-intensive course aims to promote students' skills in translating Japanese texts into Chinese. Through discussions and regular practice, students will learn about the

subtleties and complexities of Japanese expressions, and how to render them into fluent Chinese. To familiarize students with different genres of writings, newspaper articles, literary works and other kinds of Japanese texts will be introduced. A small translation project will be carried out during the course to enhance students' language competence and translation skills.

Assessment: 70% coursework, 30% examination

Examination: A two-hour written examination at the end of the second semester

Corequisite: JAPN2188 Japanese language III (Part 1) and JAPN2199 Japanese language III (Part 2) or JAPN3188. Japanese language IV (Part1) and JAPN3199. Japanese language IV (Part2)

### **JAPN3021 Communication and society (6 credits)**

This Japanese-medium interdisciplinary content course explores the social behaviour of Japanese people embedded in their language use. A sociolinguistic approach to Japanese culture is promoted through students' active participation in the empirical analyses of language variations such as dialects, gender differences and age markers. Coursework also includes the examination of problems that frequently occur in cross-cultural communication.

Assessment: 100% coursework (project, presentation, journal writing and essays)

Corequisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199 Japanese language IV (Part 2)

### **JAPN3025 Advanced media Japanese (6 credits)**

This advanced language-intensive course is designed for students who are enrolled in JAPN3188. Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199. Japanese language IV (Part 2). The course aims to help students acquire the knowledge and skills necessary to evaluate information drawn from a variety of media sources. It will also provide them with the training necessary to extract factual information from both oral and written texts and increase their understanding of the ideas these texts convey.

Assessment: 100% coursework (quizzes, project and presentation)

Co-requisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) or JAPN3199 Japanese language IV (Part 2)

**JAPN3044 Japanese language II(b) (Part 1) (3 credits)**

This course is a continuation of JAPN2055. Japanese language I(b) (Part 2). The course aims to provide a quick and effective way of learning essential Japanese, thereby establishing a solid foundation for the study of Japanese at a more advanced level. To make the most of the course, students must commit themselves to doing a lot of work beyond what is accomplished in class, including the memorizing of new vocabulary and the completion of weekly written and listening exercises. The course is open to third year Faculty of Arts students.

Assessment: 100% coursework

Prerequisite: JAPN2055 Japanese language I(b) (Part 2) or equivalent

**JAPN3055 Japanese language II(b) (Part 2) (3 credits)**

This course is a continuation of JAPN3044. Japanese language II(b) (Part 1). It aims to consolidate what students have learned in JAPN3044. Japanese language II(b) (Part 1). To make the most of the course, students must commit themselves to doing work beyond what is accomplished in class, including the memorizing of new vocabulary and the completion of weekly written and listening exercises. The course is open to third year Faculty of Arts students who have completed and passed the examination for JAPN3044. Japanese language II(b) (Part 1).

Assessment: 100% coursework

Prerequisite: JAPN3044 Japanese language II(b) (Part 1) or equivalent

**JAPN3066 Japanese language III(a) (Part 1) (3 credits)**

(This course is also offered to third year non-BA students for inter-Faculty broadening purposes.)

This language course is open to students who have successfully completed JAPN3055. Japanese language II(b) (Part 2). The course provides further training to students, with the aim of ensuring that they acquire a balanced range of language skills. In addition, the course is designed to enhance students' understanding of Japanese society and culture so that they use these skills appropriately.

Assessment: 100% coursework

Prerequisite: JAPN3055 Japanese language II(b) (Part 2) or equivalent

**JAPN3077 Japanese language III(a) (Part 2) (3 credits)**

(This course is also offered to third year non-BA students for inter-Faculty broadening purposes.)

This course is a continuation of JAPN3066 Japanese language III(a) (Part 1). It aims to consolidate students' knowledge of Japanese through oral practice and other classroom activities, and to further develop their language skills. This course is open to students who have successfully completed JAPN3066. Japanese language III(a) (Part 1).

Assessment: 100% coursework

Prerequisite: JAPN3066 Japanese language III(a) (Part 1) or equivalent

**JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) (6 credits)**

This language course is designed for students who have taken part in a one-year exchange programme to Japan or who have a similar level of proficiency in Japanese. Students in the Japanese Studies Special Honours stream are required to complete this course. The course focuses evenly on all four language skills, i.e. listening, speaking, reading and writing, and aims to help students achieve upper-advanced levels of Japanese proficiency. JAPN3188's main focus is to provide students with the language skills necessary for them to carry out the course assignments required by JAPN3199. Japanese language IV (Part 2). Credit transfer for this course is not accepted.

Assessment: 100% coursework (classroom performance 30%, homework 30%, quizzes 20% and final report 20%)

Prerequisite: Course instructors' approval

**JAPN3199 Japanese language IV (Part 2) (6 credits)**

This language course is designed for students who took part in a one-year exchange programme to Japan or who have a similar level of proficiency in Japanese. Students in the Japanese Studies Special Honours stream are required to complete the course. The course introduces hands-on activities that allow students to put what they learned in JAPN3188. Japanese language IV (Part 1) to practical use. Credit transfer for this course is not accepted.

Assessment: 100% coursework (classroom performance 30%, homework 20% and project 50%)

Prerequisite: JAPN3188 Japanese language IV (Part 1) and the Course instructors' approval



**JAPN2003 Introduction to Japanese literature (6 credits)**

This general interdisciplinary content course offers an overview of Japanese novels, poems and plays. The aim of this course is to provide students with a strong foundation in the historical development of Japanese literature. The course will cover Japanese myth, monogatari, waka, renga and haiku.

Assessment: 100% coursework (tests, presentation(s) and essay assignment)

Prerequisite: Basic Japanese language knowledge is required

**JAPN2010 Japanese business: an anthropological introduction (6 credits)**

This interdisciplinary content course - taught by means of lectures and tutorials - focuses on various aspects of Japanese business. It is particularly concerned with the social organization and culture of the Japanese salaryman, and deals with such varied topics as company socialization, decision-making, management procedures, gender relations, leisure activities, sake drinking and so on. The course is open to both second- and third-year Japanese Studies students, as well as to students from other departments and faculties who may have an academic interest in its contents.

Assessment: 100% coursework (group projects and final essays)

**JAPN2011 Anthropology of Japan (6 credits)**

This interdisciplinary content course - taught by means of lectures and tutorials - is designed to provide undergraduate students specializing in Japanese Studies with a comprehensive introduction to, and understanding of, certain aspects of contemporary Japanese society. As such it will focus on such themes as comics, tourism, sexuality and TV dramas.

Assessment: 100% coursework (group projects and final essays)

**JAPN2014 China and Japan (6 credits)**

This interdisciplinary course introduces students to the study of the history and politics of Sino-Japanese relations in the context of the East Asia world order up to the early twentieth-first century. The course is divided into two parts: The first part of the course takes on a macro-historical approach, and examines the modernization process of Japan and China in a comparative perspective, and in the process dissects the complicated relationship that China and Japan had with each other up to end of the Cold War. The second part of the course examines post Cold War Sino-Japanese relations. Students are introduced to topics by means of two broad survey lectures, and are invited to examine in

greater detail the various controversial issues within this set of bilateral relations. The course will examine the following themes from the perspective of Sino-Japanese relations: historical legacy, nationalism and identity, the Pinnacles (Senkaku/Diaoyutai) Islands dispute, the Taiwan issue, the Korean Peninsula crisis and the competition for energy sources. By the end of the course, students will hopefully be able to reach some sort of understanding as to whether China and Japan are destined to be rivals, or whether they can actually co-exist as great powers and promote peace and prosperity in the Asia-Pacific region.

Assessment: 100% coursework (presentations and essays)

### **JAPN2015 Japanese enterprise groupings (6 credits)**

This interdisciplinary content course - taught by means of lectures and tutorials - concentrates on the study of Japanese enterprise groupings. It will start by introducing three major theoretical perspectives on economic organizations - structural, strategic and institutional - so as to provide students with a theoretical understanding of these groupings. The histories of different enterprise groupings, their operation and the function they serve will then be examined. Analysis will focus on the roles played by major Japanese banks, general trading firms, insurance companies, core member corporations of the groupings, and on the so-called preferential trading between core large corporations and their peripheral companies. Finally, the discussion of these topics will be looked at in the context of Japanese and American trade disputes.

Assessment: 100% coursework (group projects and final essays)

### **JAPN2016 Comparative linguistics: Cantonese and Japanese I Comparative phonology (6 credits)**

This interdisciplinary content course will detail the phonological components of Japanese and Cantonese through the extensive examination of current theories and the application of contrastive analysis. Besides introducing both features commonly found in all human language sound systems and characteristics specific to a select few, the course will help students familiarize themselves with the most common forms of transcription used in language teaching, including the most important of all, the International Phonetic Alphabets (IPA).

Assessment: 100% coursework (a series of transcription tests and a final project on comparative studies)

Prerequisite: JAPN1099 Japanese language I (Part 2), JAPN2055 Japanese language I(b) (Part 2) or Certificate Japanese Courses

### **JAPN2018 Popular culture and artistic activity in Japan (6 credits)**

This interdisciplinary content course looks at various aspects of art and popular culture in Japan. It will mainly focus on contemporary Japan, looking at television, manga (comics), music, the tea ceremony and ceramic art, to name just a few of the topics covered. The main approach used will be anthropological/sociological. The course will look at the production and consumption of art and popular culture: considering how it is produced, by whom, and for whom. Who engages in these artistic or cultural activities, using what approach, and why? The course will examine what can be learned about Japanese society from looking at the way cultural and artistic activities are organized and engaged in. It will also consider examples of art and popular culture in contemporary Japan - such as comics and television dramas - and ask what these texts reveal about Japanese society. Coursework options include the analysis of these texts and their impact on other East Asian societies, including Hong Kong. It should be noted that this course requires a high standard of analytical thinking and that its theoretical content is significant.

Assessment: 100% coursework (two essays, oral presentation and tutorial participation)

### **JAPN2024 Comparative linguistics: Cantonese and Japanese III Syntactic features and pedagogical implications (6 credits)**

This interdisciplinary content course initially focuses on a theoretical discussion of the grammatical peculiarities of the languages in question, from the perspective of two natural world languages with their own distinctive features. Next, these languages are examined and contrasted in relation to the potential problem areas that arise when they are considered either as the source language or the target language in the course of acquisition, i.e. the learning of Japanese by Cantonese native speakers or of Cantonese by Japanese native speakers.

Assessment: 100% coursework (assessment portfolio including lecture and reading summaries, tests, presentation and term paper)

### **JAPN2026 Japanese language III extended (6 credits)**

This language-intensive course is designed for students who have spent one year studying in Japan or who have attained a comparable level of proficiency in Japanese\*. The course introduces activities that integrate all four language skills: listening, speaking, reading and writing. Coursework assignments include discussions, role-plays, debating, the summarizing of written documents, the expressing of opinions in the form of essays, oral

presentations, etc. Some of the topics covered in the course include self-improvement, cultural comparisons, social issues and international relations.

Assessment: 100% coursework (classroom performance, homework, project)

**JAPN2027 Comparative linguistics: Cantonese and Japanese II Phonological transfer and pedagogy in foreign language acquisition (6 credits)**

This interdisciplinary content course will highlight potential areas of native language interference in the acquisition of a second or third language's pronunciation system using the difficulties encountered by native Cantonese and Japanese speakers when learning another language as an example. The course will use theoretical discussions and knowledge gained from JAPN2016. Comparative linguistics: Cantonese and Japanese I as a basis for training students to predict these areas of interference. Languages such as English, Mandarin, French and Korean will serve as references.

Assessment: 100% coursework (tutorial tasks, test and a final project on pedagogy)

Prerequisite: JAPN2016 Comparative linguistics: Cantonese and Japanese I - Comparative phonology

**JAPN2029 Japanese popular music and Hong Kong society (6 credits)**

This interdisciplinary content course examines the way in which Japanese popular music was integrated into the Hong Kong music scene in the 1980s, a time when Japanese popular music was at its most influential. To understand this phenomenon, the course will first take a close look at the popular music scene in Japan in the 1970s and the 1980s. Then, it will examine how socio-political developments in Hong Kong shaped the local popular music industry and affected the selection, import, and distribution of Japanese popular music in the territory. Lastly, the course will look at changes in the way Japanese popular music has been consumed in Hong Kong from the 1990s to the present. In so doing, it aims to provide students with an introduction to the contemporary popular music scene in both Hong Kong and Japan. The main approach used will be social scientific rather than musicological.

Assessment: 100% coursework (quiz, test and essay)

**JAPN2030 Japanese business, culture and communication (6 credits)**

This interdisciplinary content course focuses on intercultural communication involving Japanese professionals. The course will explore how and why members of different groups

misunderstand each other in spoken, written and electronically mediated communication. It will consider the ways in which people use language to claim and display complex and often multiple identities. Rather than adopting a one-size-fits-all approach and applying it to both Japanese and Chinese professionals, the course will take a situation-based approach to the examination of professional communication across cultures.

Assessment: 100% coursework (projects, presentations and essays)

### **JAPN2031 The media and Japan (6 credits)**

This interdisciplinary content course introduces students to the workings of the electronic media in Japan. The course will focus on the following three areas: coverage of the Hong Kong handover; TV documentary features on international affairs; and Japanese TV entertainment programmes available in Hong Kong. It will examine how the Japanese media covered the 1997 handover and will contrast its coverage of the event with that of other international media organisations. Students will watch and analyse feature-length documentaries whose broadcasting subsequently influenced the decisions of high-ranking Japanese Government officials. The course will also look at the distribution and consumption of Japanese cartoons, dramas and entertainment shows amongst the local Hong Kong Chinese population from the 1970s onwards.

Assessment: 100% coursework (projects, presentations and essays)

### **JAPN2034 Education in contemporary Japanese society (6 credits)**

Education in contemporary Japan has been both praised for being child-centred and humanistic, and criticized as pressurized and exam-focused. This course tries to sort out the myths from the realities. It will look at education from preschools to high schools, and find out how serious problems like bullying and exam pressure really are. It will also ask if Japanese education gives all children an equal chance, and look at how Japanese children who have lived overseas cope when they return. A visit to Hong Kong's Japanese schools will be arranged as part of the course, allowing students to see Japanese education with their own eyes.

Assessment: 100% coursework (two essays, oral presentation and class participation)

### **JAPN2035 Women in Japan and Hong Kong (6 credits)**

This course aims to provide students with a general understanding of gender issues in contemporary Japan and Hong Kong. It aims to help students develop an awareness of

gender issues in daily life in their own society, as well as to gain knowledge of the historical and cultural backgrounds that underpin modern gender roles. The course encourages students to form independent opinions and ideas and to present them cogently and persuasively in speech and writing. Students are also expected to reflect on their own gender role and their assumptions about gender differences, as well as gender discrimination in their own society. Through lectures and tutorials the course will explore various aspects of women's lives in Japan comparing and contrasting them with those of women in Hong Kong.

Assessment: 100% coursework (a research project, reflections, presentations and participation in group discussions)

**JAPN2039 Negotiation and conflict resolution: a cross-cultural perspective (6 credits)**

This course introduces students to some powerful frameworks for analyzing and preparing for negotiations and for resolving conflicts. Students will practice applying these frameworks through in-class simulations and role plays. The course will make use of numerous cross-cultural cases and readings (particularly relating to Japan and mainland China) to help students develop an awareness of how the cultural contexts and the cultural backgrounds of negotiators could influence negotiations.

Assessment: 100% course work (class participation, negotiation planning documents, class diary and research paper or book review)

**JAPN2040 Understanding Japanese business through novels (6 credits)**

This course will introduce students to a number of Japanese-language economic or business novels that have been translated into English. By understanding the feelings, attitudes and personalities of a wide variety of literary characters, students will be able to gain insights into the drama of working life from a Japanese perspective. They will also gain a deeper understanding of how certain significant economic events have impacted companies and their employees.

Assessment: 100% course work (class participation and two analytical essays)

Prerequisite: none, although JAPN2010 or a prior knowledge of Japanese business or the Japanese economy would be helpful

**JAPN2044 Japanese language I(b) (Part 1) (3 credits)**

This course is open to second and third year BA students with no previous knowledge of the Japanese language. It aims to teach students the fundamentals of the Japanese language and is intended to help them build basic linguistic and communicative skills in Japanese.

Assessment: 100% coursework

N.B.: Since Chinese characters are an integral part of this course and will be given no separate introduction by the course instructors, students who have no prior knowledge of Chinese characters should ensure that they discuss this issue with their class teacher at the beginning of the semester, before the end of the add/drop period.

**JAPN2055 Japanese language I (b) (Part 2) (3 credits) \***

This course is a continuation of JAPN2044. Japanese language I(b) (Part 1). Equal emphasis will be accorded to the four basic skills of reading, writing, speaking and listening, enabling students to further build on the Japanese language abilities they established in Part 1.

Assessment: 100% coursework

Prerequisite: JAPN2044 Japanese language I(b) (Part 1) or equivalent

N.B.: Since Chinese characters are an integral part of this course and will be given no separate introduction by the course instructors, students who have no prior knowledge of Chinese characters should ensure they discuss this issue with their class teacher at the beginning of the semester, before the end of the add/drop period.

**JAPN2188 Japanese language III (Part 1) (6 credits)**

This language course is a continuation of JAPN2099 Japanese language II (Part 2), and continues to focus on developing a balanced range of language skills, but with additional emphasis on the applications of linguistic principles and methodology, as well as on reading skills, both general and specialized. Students who took part in a one-year exchange programme to Japan are not eligible to take this course. Credit transfer for this course is not accepted.

Assessment: 100% coursework (test, quizzes, presentation and homework/portfolio)

Prerequisite: JAPN2099 Japanese language II (Part 2) or JAPN1199 Japanese language II (Part 2) or equivalent

### **JAPN2199 Japanese language III (Part 2) (6 credits)**

This language course is a continuation of JAPN2188. Japanese language III (Part 1) and again focuses on developing a balanced range of language skills, but with additional emphasis on the applications of linguistic principles and methodology, as well as on reading skills, both general and specialized. Students who have taken part in a one-year exchange programme to Japan are not eligible to take this course. Credit transfer for this course is not accepted.

Assessment: 100% coursework (test, quizzes, presentation and homework/portfolio)

Prerequisite: JAPN2188 Japanese language III (Part 1)

### **7.2.Chương trình đào tạo trong nước**

*Chương trình đào tạo của Khoa Nhật Bản học, Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh*

#### **Kiến thức giáo dục đại cương: 13TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Triết học Mác - Lênin	4	4		
2	Kinh tế chính trị	3	3		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
	<b>Cộng</b>	<b>13</b>	13		

#### **Khối kiến thức ngành khoa học - tự nhiên: 4 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Thống kê xã hội	2	1	1	
2	Môi trường và phát triển	2	1	1	
	<b>Cộng</b>	<b>4</b>	2	2	



**Khối kiến thức ngành xã hội - nhân văn: 16 TC**

**Môn bắt buộc**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	
2	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	1	1	
3	Tiếng Việt thực hành	3	2	1	
4	Logic học đại cương	2	1	1	
5	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	1	1	
6	Phương pháp nghiên cứu KH	2	1	1	
7	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	1	
8	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	10	5	5	SV tự tích lũy
9	Tin học căn bản	2	1	1	SV tự tích lũy
	<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>9</b>	<b>7</b>	

**Môn tự chọn : 4TC (chọn 2 trong 4 môn sau đây)**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Nhân học đại cương	2	1	1	
2	Xã hội học đại cương	2	1	1	
3	Tâm lý học đại cương	2	1	1	
4	Pháp luật đại cương	2	1	1	
	<b>Cộng</b>	<b>8 (chọn 4)</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	

**Khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Giáo dục thể chất				
2	Giáo dục quốc phòng				
	<b>Cộng</b>				

**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:**

**Khối kiến thức cơ sở ngành: 6 TC**

**Môn bắt buộc: 4 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Lịch sử tư tưởng Đông Á	2	1	1	
2	Nhập môn QHQT và QHQT Đông Á	2	1	1	
	<b>Cộng</b>	4	2	2	

**Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn sau đây): 2 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương	2	1	1	
2	Các tổ chức quốc tế	2	1	1	
	<b>Cộng</b>	4 (chọn 2)	2	2	

**Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất):**

**Kiến thức chung của ngành chính (bắt buộc): 77 TC**

**Môn bắt buộc: 69 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Nhật)	60	30	30	
2	Lịch sử Nhật Bản	3	2	1	
3	Nhân học-Văn hóa Nhật Bản	2	1	1	
4	Kinh tế Nhật Bản	2	1	1	
5	Văn học Nhật Bản	2	2		
	<b>Cộng</b>	<b>69</b>	36	33	

**Môn tự chọn (chọn 4 trong 6 môn sau đây): 8 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Địa lý và dân cư Nhật Bản	2	1	1	
2	Hệ thống chính trị Nhật Bản	2	2		
3	Chính sách đối ngoại Nhật Bản	2	2		
4	Xã hội Nhật Bản	2	1	1	
5	Tôn giáo Nhật Bản	2	1	1	
6	Quan hệ Nhật-Việt	2	1	1	
	<b>Cộng</b>	<b>12</b>			
		<b>(chọn 6)</b>			

**Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (chọn 1 trong 3 chuyên ngành):**

**Nhóm 1: Nghiên cứu, giảng dạy Nhật Bản học : 10 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Nhật Bản hiện đại	2	1	1	
2	Nghiên cứu Nhật Bản	2	1	1	
3	Phương pháp giảng dạy tiếng	3	1	2	
4	Biên phiên dịch	3	1	2	
	<b>Cộng</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	

**Nhóm 2: Nghiệp vụ thương mại, thư ký: 10 TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Nhật Bản hiện đại	2	1	1	
2	Văn hóa kinh doanh	2	1	1	
3	Nghiệp vụ ngoại thương	3	1	2	
4	Nghiệp vụ thư ký	3	1	2	
	<b>Cộng</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	

**Nhóm 3: Nghiệp vụ văn hóa-du lịch: 10 TC**

TT	Mã MH	Tên học phần	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1		Nhật Bản hiện đại	2	1	1	
2		Nghiệp vụ du lịch	2	1	1	
3		Hướng dẫn du lịch	3	1	2	
4		Quản lý du lịch	3	1	2	
		<b>Cộng</b>	<b>10</b>	4	6	

**Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp): 10TC**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Khác (nếu có)
1	Thực tập - Thực tế	4		4	
2	Niên luận	2		2	
3	Khóa luận tốt nghiệp	4		4	
	<b>Cộng</b>	<b>10</b>		10	

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Tiến trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>21</b>										
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	3									
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2		2								
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2							
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2							
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		2								
6	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2				2						
7	INT1226	Tin học cơ sở	3				3						
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5			5							
<b>II. Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>			<b>24</b>										
<b>II.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>18</b>										
9	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3									
10	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	3									
11	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3				3						
12	SOC1051	Xã hội học đại cương	3					3					
13	PSY1051	Tâm lý học đại cương	3					3					
14	PHI1054	Logic học đại cương	3						3				
<b>II.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>6/30</b>										
15	INE1014	Kinh tế học đại cương	2		2								
16	EVS1001	Môi trường và phát triển	2										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
17	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2										
18	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				2						
19	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin và năng lực số	2								2		
20	LIT1053	Viết học thuật	2										
21	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2										
22	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2										
23	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2										
<b>III. Khối kiến thức theo khối ngành</b>			<b>20</b>										
<b>III.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>11</b>										
24	JPN4001	Niên luận	2					2					
25	MNS1054	Khởi nghiệp	3								3		
26	JPN3001	Địa lý Nhật Bản	3		3								
27	JPN3002	Lịch sử Nhật Bản	3			3							
<b>III.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>9/22</b>										
28	FLH1155	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4										
29	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3	3									
30	ANT1100	Nhân học đại cương	3							3			
31	SIN1001	Hán Nôm cơ sở	3										
32	SOW1105	Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội	3										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
33	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới	3		3								
34	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng	3										
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>15</b>										
<b>IV.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>6</b>										
35	JPN3003	Nhập môn Nghiên cứu Nhật Bản	3						3				
36	JPN3004	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản	3					3					
<b>IV.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>9</b>										
<b>IV.2.1</b>	<b>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</b>		<b>9/18</b>										
37	ITS1104	Khu vực học đại cương	3					3					
38	ORS2005	Văn hóa, văn minh phương Đông	3				3						
39	ORS1101	Lịch sử phương Đông	3										
40	ORS1150	Quan hệ quốc tế Đông Bắc Á	3							3			
41	ORS1156	Chính trị khu vực Đông Bắc Á	3										
42	ORS1152	Kinh tế Đông Bắc Á	3										
<b>IV.2.2</b>	<b>Định hướng kiến thức chuyên sâu của liên ngành</b>		<b>9/18</b>										
43	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng	3										
44	ANT1150	Các phương pháp nghiên cứu nhân học	3										
45	TOU3025	PR và truyền thông cho sự kiện	3										
46	PRS3000	Lý luận về quan hệ công chúng	3										
47	PRS3001	Xây dựng và phát triển thương hiệu	3										
48	ITS1151	Luật quốc tế	3										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>V. Khối kiến thức ngành</b>			<b>50</b>										
<i>V.1. Các học phần bắt buộc</i>			<b>24</b>										
49	JPN3005	Ngữ pháp tiếng Nhật 1	3	3									
50	JPN3034	Kỹ năng tiếng Nhật 1	3	3									
51	JPN3007	Ngữ pháp tiếng Nhật 2	3		3								
52	JPN3035	Kỹ năng tiếng Nhật 2	3		3								
53	JPN3036	Tiếng Nhật nâng cao 1	3			3							
54	JPN3037	Tiếng Nhật nâng cao 2	3			3							
55	JPN3038	Tiếng Nhật nâng cao 3	3				3						
56	JPN3039	Tiếng Nhật nâng cao 4	3				3						
<i>V.2. Các học phần tự chọn</i>			<b>18/54</b>										
57	JPN3013	Văn hóa Nhật Bản	3								3		
58	JPN3033	Nghệ năng truyền thống Nhật Bản	3										
59	JPN3015	Kinh tế Nhật Bản	3										
60	JPN3016	Tôn giáo Nhật Bản	3										
61	JPN3017	Văn học Nhật Bản	3										
62	JPN3018	Chính sách đối ngoại của Nhật Bản	3										
63	JPN3019	Xã hội Nhật Bản	3								3		
64	JPN3020	Hệ thống chính trị và hành chính Nhật Bản	3										



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
65	JPN3021	Pháp chế Nhật Bản	3									
66	JPN3022	Văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản	3									
67	JPN3023	Phong tục tập quán Nhật Bản	3								3	
68	JPN3024	Văn hóa đại chúng Nhật Bản	3									
69	JPN3025	Võ sĩ đạo và võ thuật Nhật Bản	3									
70	JPN3026	Tiếng Nhật chuyên ngành (Lịch sử)	3									
71	JPN3027	Tiếng Nhật chuyên ngành (Văn hóa)	3									
72	JPN3028	Tiếng Nhật chuyên ngành (Chính trị - Xã hội)	3						3			
73	JPN3029	Tiếng Nhật chuyên ngành (Kinh tế-Thương mại)	3					3				
74	JPN3030	Tiếng Nhật chuyên ngành (Pháp lí)	3									
75	JPN3031	Thuyết trình tiếng Nhật	3									
76	JPN3032	Đọc dịch tiếng Nhật	3								3	
<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>8</b>									
77	JPN4006	Thực tập tốt nghiệp	3							3		
78	JPN4003	Khóa luận tốt nghiệp	5									5
<i>Học phần thay thế Khoá luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2)</i>			5									
79	JPN4004	Thực hành nghiên cứu Nhật Bản tổng hợp	5									
80	JPN4005	Thực hành tiếng Nhật tổng hợp	5									
<b>Tổng cộng</b>			<b>130</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>5</b>	

## **2. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

### **2.1. Các yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo**

**Nguyên tắc tổ chức lịch trình đào tạo:** tổ chức đào tạo trong học kỳ đầu Khối kiến thức chung trong Đại học Quốc gia Hà Nội, khối kiến thức theo lĩnh vực KHXH&NV, sau đó tổ chức đào tạo song song các khối kiến thức nhóm ngành Đông Phương học, khối kiến thức nhóm ngành Đông Bắc Á, khối kiến thức ngành Nhật Bản học.

**Về học phần bắt buộc:** Khung chương trình đào tạo đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên học phần, số tín chỉ, phân bổ cho mỗi loại giờ tín chỉ, học phần tiên quyết, tính chất của học phần (bắt buộc hoặc tự chọn). Học phần bắt buộc là những học phần sinh viên bắt buộc phải tích lũy, được phân bổ trong các khối kiến thức.

**Về học phần tự chọn:** Đây là một đặc điểm của chương trình tín chỉ.

Ngoài các học phần bắt buộc, sinh viên được quyền lựa chọn học phần trong nhóm các môn tự chọn thuộc các nhóm học phần. Sinh viên có thể tự do cấu trúc chương trình học theo sở thích và định hướng nghề nghiệp sau này, như nghiên cứu văn hóa- lịch sử, chính trị- quan hệ quốc tế, kinh tế- kinh doanh, hoặc nâng cao trình độ ngoại ngữ và kỹ năng biên phiên dịch.

Lịch trình đào tạo được tổ chức theo thứ tự từ Khối kiến thức chung trong Đại học Quốc gia Hà Nội, Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, Khối kiến thức chung theo khối ngành, Khối kiến thức chung theo nhóm ngành đến Khối kiến thức ngành với tổng số tín chỉ cần tích lũy là 130 tín chỉ.

### **2.2. Tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy**

+ Khoa: Đông Phương học

+ Bộ môn chuyên môn: Nhật Bản học

+ Giảng viên: Giảng viên cơ hữu bộ môn Nhật Bản, giảng viên các khoa/bộ môn trực thuộc trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, giảng viên thỉnh giảng người Nhật và người Việt

+ Đội ngũ hỗ trợ: Cố vấn học tập: Giảng viên bộ môn Nhật Bản; trợ lý đào tạo: trợ lý đào tạo khoa Đông Phương học; thanh tra: chuyên viên phòng Thanh tra-Pháp chế trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

## **3. Phương pháp giảng dạy và học tập**

Chương trình đào tạo áp dụng phương pháp lấy “Người học là trung tâm” trong suốt khóa học để giúp sinh viên tham gia tích cực vào quá trình dạy và học. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở trường và ở nhà.

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau như phương pháp thuyết giảng, phương pháp làm bài tập nhóm, phương pháp dự án, phương pháp seminar, phương pháp đóng vai...

#### **4. Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo ngành.... mong muốn người học đạt được.

Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là: 1) Đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và 2) Đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ. Hình thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ có thể là bài thi trắc nghiệm, vấn đáp, viết, nghe, thuyết trình cá nhân/nhóm hoặc tiểu luận.

Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Nhà trường.

#### **5. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học:**

Tháng 7 năm 2023